

Bản án số: 42/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 28-5-2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khiếu

Ông Trương Xuân Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn May – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 08-4-2024- về việc: Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-5-2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21-5-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Xóm 7B, xã K, huyện S, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Th tự nguyện kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Động Quan, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân từ lâu không còn quan tâm đến nhau. Anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có một con chung là Nguyễn Chí T1, sinh ngày 25-02-2001 hiện đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là chị Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến thể hiện trong hồ sơ vụ án.

- Qua xác minh tại nơi cư trú của các đương sự xác định: Anh Nguyễn Văn T có kết hôn với chị Nguyễn Thị Th và đăng ký kết hôn tại UBND xã Động Quan, huyện Lục Yên. Chị Th và Anh T đã ly thân từ lâu.

Về con chung: Anh T và chị Th có một con chung là Nguyễn Chí T1, sinh ngày 25-02-2001 hiện đã trưởng thành.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến giải quyết là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

+ Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn chị Nguyễn Thị Th có nơi cư trú tại xã Động Quan, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, Anh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Th được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng

xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Động Quan, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và tài liệu có trong hồ sơ cho thấy: sau khi kết hôn Anh T và chị Th chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân từ lâu không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh T và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh T, cho Anh T được ly hôn chị Th.

[3] Về con chung: Anh T và chị Th có một con chung là Nguyễn Chí T1, sinh ngày 25-02-2001 hiện đã trưởng thành, Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí Anh T đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0001698 ngày 08-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND xã Động Quan;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao